

La Mã thiết lập tầm nhìn - Số tám

Nền móng trên cát: Sự bác bỏ lẽ thật tiên tri trong Phục Lâm Laodixê

Jeff Pippenger

2024-08-18

Trong bài viết trước, chúng tôi đã nhắc đến những lời sau đây của Chúa Giê-su.

Hãy coi chừng những tiên tri giả, họ đến với anh em trong lột chiên, nhưng bên trong là những con sói dữ tham tàn. Anh em sẽ nhận biết họ bởi bông trái của họ. Có ai hái nho từ bụi gai, hay hái vả từ cây gai góc không? Cũng vậy, cây tốt thì sinh bông trái tốt; còn cây xấu thì sinh bông trái xấu. Cây tốt không thể sinh bông trái xấu, cũng như cây xấu không thể sinh bông trái tốt. Cây nào không sinh bông trái tốt thì bị đốn và quăng vào lửa. Vậy, cứ bởi bông trái của họ mà anh em sẽ nhận biết họ. Không phải ai nói với ta: “Lạy Chúa, lạy Chúa” là sẽ được vào nước thiên đàng, nhưng chỉ người làm theo ý muốn của Cha ta ở trên trời. Nhiều người sẽ nói với ta trong ngày ấy: “Lạy Chúa, lạy Chúa, chẳng phải chúng tôi đã nhân danh Chúa mà nói tiên tri, nhân danh Chúa mà trừ quỷ, và nhân danh Chúa mà làm nhiều việc lạ lùng sao?” Bấy giờ ta sẽ tuyên bố với họ: “Ta chưa hề biết các ngươi; hãy lui ra khỏi ta, hỡi những kẻ làm điều gian ác.” Vậy, ai nghe những lời này của ta và làm theo, ta sẽ ví người ấy như một người khôn ngoan xây nhà mình trên đá. Mưa sa, nước lũ dâng lên, gió thổi đập vào nhà ấy, nhưng nhà không sập, vì nền nhà đặt trên đá. Còn ai nghe những lời này của ta mà không làm theo thì giống như người ngu dại xây nhà mình trên cát. Mưa sa, nước lũ dâng lên, gió thổi đập vào nhà ấy, và nhà ấy sập; sự sụp đổ của nó thật lớn. Ma-thi-ơ 7:15-27.

Cuộc phản loạn năm 1863 đánh dấu sự khởi đầu của việc Cơ Đốc Phục Lâm Laodixê xây dựng một nền tảng giả dối trên cát. Cát tượng trưng cho nguyên tắc Sa-tan của chủ nghĩa đa nguyên, đối nghịch với Vàng Đá của lẽ thật tuyệt đối. Lẽ thật tuyệt đối được thiết lập dựa trên hai chứng nhân, và các lẽ thật được trình bày trên hai biểu đồ thánh của Ha-ba-cúc, mà phong trào Phục Lâm đã dần dần gạt sang một bên, bắt nguồn từ Kinh Thánh và được xác nhận bởi Thần Linh của Lời Tiên Tri. Những lẽ thật ấy là tuyệt đối.

Kẻ thù đang tìm cách làm lệch hướng tâm trí của các anh em và chị em chúng ta khỏi công việc chuẩn bị một dân để đứng vững trong những ngày sau rốt này. Những nguy hiểm của họ được lập ra nhằm dẫn dắt tâm trí xa rời các hiểm nguy và bổn phận của giờ phút này. Họ coi nhẹ ánh sáng mà Đấng Christ đã từ trời đến để ban cho Giăng vì dân Ngài. Họ dạy rằng những cảnh tượng ngay trước mắt chúng ta không đủ quan trọng để nhận được sự chú ý đặc biệt. Họ làm cho lẽ thật có nguồn gốc từ trời trở nên vô hiệu, và cướp đi kinh nghiệm quá khứ của dân Đức Chúa Trời, thay vào đó trao cho họ một thứ khoa học giả dối. “Đức Giê-hô-va phán như vậy: Hãy đứng nơi các nẻo đường, nhìn xem, và hãy hỏi về các lối xưa, đâu là con đường tốt, hãy bước đi trong đó.” [Giê-rê-mi 6:16.]

"Đừng ai tìm cách phá bỏ những nền tảng của đức tin chúng ta—những nền tảng đã được đặt ngay từ buổi đầu công việc của chúng ta, qua sự nghiên cứu Lời một cách cầu nguyện và qua sự mặc khải. Trên những nền tảng này, chúng ta đã xây dựng suốt hơn năm mươi năm. Người

ta có thể cho rằng họ đã tìm ra một con đường mới, rằng họ có thể đặt một nền tảng vững chắc hơn nền tảng đã được đặt; nhưng đó là một sự lừa dối lớn. 'Không ai có thể đặt một nền tảng khác ngoài nền tảng đã được đặt rồi.' [1 Corinthians 3:11.] Trong quá khứ, nhiều người đã khởi sự xây dựng một đức tin mới, thiết lập những nguyên tắc mới; nhưng công trình của họ đứng vững được bao lâu? Nó chẳng bao lâu đã sụp đổ; vì nó không được đặt nền trên Đá." Testimonies, volume 8, 296-297.

Khi ngày 11 tháng 9 năm 2001 đến, những cơn mưa của Chúa Thánh Thần cũng đổ xuống.

“Mưa cuối mùa sẽ đổ xuống trên dân sự của Đức Chúa Trời. Một thiên sứ quyền năng sẽ từ trời giáng xuống, và cả trái đất sẽ được chiếu sáng bởi vinh quang của thiên sứ ấy.” Review and Herald, ngày 21 tháng 4 năm 1891.

Khi những tòa nhà đồ sộ của Thành phố New York bị đổ sập chỉ bởi một cái chạm tay của Đức Chúa Trời, mưa cuối mùa bắt đầu rơi lất phất. Khi ngày 11 tháng 9 năm 2001 đến, các cửa xả lũ của những nguyên tắc giáo hoàng đã được mở tung.

"Trong thời kỳ sự bất chính tràn lan này, các giáo hội Tin Lành đã khước từ lời 'Đức Chúa Trời phán rằng' sẽ lâm vào một tình thế kỳ lạ. Họ sẽ bị thể gian hóa. Trong sự xa cách Đức Chúa Trời, họ sẽ tìm cách biến điều dối trá và sự bội đạo đối với Đức Chúa Trời thành luật pháp của quốc gia. Họ sẽ tác động các nhà cầm quyền trong xứ để ban hành các đạo luật nhằm khôi phục uy thế đã mất của người tội ác, kẻ ngồi trong đền thờ của Đức Chúa Trời, tỏ ra mình là Đức Chúa Trời. Những nguyên tắc Công giáo La Mã sẽ được nhà nước bảo hộ. Tiếng phản kháng của lễ thật Kinh Thánh sẽ không còn được dung thứ bởi những ai không lấy luật pháp của Đức Chúa Trời làm quy tắc sống của mình." Review and Herald, ngày 21 tháng 12, 1897.

Đạo luật Patriot đánh dấu sự khởi đầu của việc bảo vệ các nguyên tắc Công giáo La Mã, và điều đó dần dần dẫn đến luật ngày Chủ nhật sắp tới. Ngày 11 tháng 9 năm 2001, bốn luồng gió, tượng trưng cho Hội giáo trong tai họa thứ ba, đã bắt đầu thổi.

Các thiên sứ đang nắm giữ bốn luồng gió; những luồng gió ấy được ví như một con ngựa giận dữ đang tìm cách xông ra và lao khắp mặt đất, gieo rắc sự tàn phá và chết chóc trên đường nó đi.

“Chúng ta sẽ ngủ mê ngay trên chính bờ mé của thế giới đời đời sao? Chúng ta sẽ uể oải, lạnh nhạt và chết lịm sao? Ôi, ước gì trong các hội thánh của chúng ta có Thần của Đức Chúa Trời và hơi thở của Ngài được hà hơi vào dân sự Ngài, để họ có thể đứng trên chân mình và sống. Chúng ta cần thấy rằng con đường thì hẹp, và cửa thì chật. Nhưng khi chúng ta đi qua cửa chật ấy, sự rộng rãi của nó là vô hạn.” Manuscript Releases, quyển 20, 217.

Mưa, gió và lũ lụt đã ập đến vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, và Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy Laodicea đã bị thử thách như người Do Thái tại lễ báp tem của Đấng Christ, và như những người Tin Lành bắt đầu từ ngày 11 tháng 8 năm 1840. Từ thời điểm đó cho đến lời dự đoán phản nghịch ngày 18 tháng 7 năm 2020, nhà của Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy Laodicea đã dần dần sụp đổ, chắc chắn như đền thờ của người Do Thái đã bị tuyên bố là bỏ hoang trước thập tự giá, và như những người Tin Lành đã rơi vào tình trạng Tin Lành bội đạo tại sự thất vọng lần thứ nhất vào ngày 19 tháng 4 năm 1844.

Phong trào La-ô-đi-xê của thiên sứ thứ ba sau đó đã bước vào giai đoạn thử thách cuối cùng, và cũng như kỳ thử thách đã bắt đầu vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, các trình nữ được kêu gọi trở lại những nẻo đường xưa, tức là những lẽ thật nền tảng không chỉ của phong trào Millerite của thiên sứ thứ nhất và thứ hai, mà còn của phong trào của thiên sứ thứ ba.

Trong bối cảnh của sự lừa dối mạnh mẽ, biểu tượng cho sự khước từ những lẽ thật nền tảng ấy là sứ điệp mà Phao-lô đã ghi lại trong Tê-sa-lô-ni-ca thứ hai. Sứ điệp ấy được biểu trưng bởi “the daily” trong sách Đa-ni-ên, vì chính trong đoạn ở Tê-sa-lô-ni-ca mà William Miller đã hiểu rằng “the daily” trong sách Đa-ni-ên đại diện cho La Mã ngoại giáo.

Đã có những cuốn sách được viết bàn về định nghĩa của “the daily” trong sách Đa-ni-ên. Phần lớn là sai lầm; tuy nhiên, nếu bạn muốn xem một bài viết của một nhà thần học Cơ Đốc Phục Lâm trình bày đúng, bạn có thể tìm The Mystery of the Daily của John W. Peters. Tôi không có ý định bàn đến khía cạnh đó của “the daily” trong bài viết này. Cũng có những cuốn sách khác trình bày lịch sử về “ai, điều gì và vì sao” mà theo đó quan điểm sai lầm về “the daily” rốt cuộc đã được thiết lập trong Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy mang tính Lao-đi-xê.

Định nghĩa của từ tiếng Hê-bơ-rơ được dịch là "the daily", và lịch sử của sự phản loạn chống lại lẽ thật nền tảng về "the daily" vốn bắt đầu một cách nghiêm túc vào năm 1901, đã nhiều lần được trình bày trong Các Bảng của Habakkuk và cũng trong các bài viết gần đây về sách Daniel.

Trong bài viết này, khi bàn về "the daily", tôi dự định tập trung vào các đặc điểm mang tính tiên tri liên quan đến việc biểu tượng của La Mã bị bác bỏ. Bất kỳ ai thực sự chấp nhận thẩm quyền của các trước tác của Ellen White chỉ cần đọc phần sau để biết đâu là cách hiểu đúng về "the daily".

Rồi tôi thấy, liên quan đến 'Daily', rằng từ 'sacrifice' do sự khôn ngoan của loài người thêm vào và không thuộc về bản văn; và rằng Chúa đã ban quan điểm đúng đắn về điều đó cho những người đã cất tiếng kêu giờ phán xét. Khi còn có sự hiệp nhất, trước năm 1844, hầu như tất cả đều đồng thuận về quan điểm đúng đắn đối với 'Daily'; nhưng từ năm 1844, trong sự rối loạn, những quan điểm khác đã được chấp nhận, và bóng tối cùng hỗn loạn đã theo sau. Review and Herald, ngày 1 tháng 11, 1850.

Bác bỏ sự hiểu biết của William Miller về "the daily" đồng thời cũng là bác bỏ thẩm quyền của các trước tác của Ellen White, vì bà đã thấy "rằng Chúa ban quan điểm đúng đắn về điều đó cho những người cất lên tiếng kêu về giờ phán xét." Bà cũng được cho thấy rằng các quan điểm khác về "the daily" tạo ra "sự tối tăm và hỗn loạn", những điều không phải là thuộc tính của Đấng Christ. Miller nhận ra "the daily" là La Mã ngoại giáo khi ông nghiên cứu Thư Tê-sa-lô-ni-ca thứ hai.

“Tôi đọc tiếp và không thể tìm thấy trường hợp nào khác trong đó nó [the daily] được nhắc đến, ngoài trong Daniel. Sau đó [với sự trợ giúp của một bảng tra cứu], tôi tra những từ đứng liên hệ với nó, ‘cất đi;’ ‘người sẽ cất đi the daily;’ ‘từ lúc the daily sẽ bị cất đi,’ v.v. Tôi đọc tiếp và nghĩ rằng mình sẽ không tìm được ánh sáng nào cho đoạn văn; cuối cùng tôi đến 2 Thessalonians 2:7, 8. ‘Vì điều mâu nhiệm của sự gian ác hiện đã hoạt động; chỉ có người hiện đang ngăn trở sẽ còn ngăn trở, cho đến khi người ấy bị dời đi, và bấy giờ kẻ ác kia sẽ được tỏ ra,’ v.v. Và khi tôi đến câu ấy, ôi, lẽ thật hiện ra rõ ràng và vinh hiển biết bao! Đó rồi! Đó chính là the daily! Vậy bây giờ, Phao-lô muốn nói gì bởi ‘người hiện đang ngăn trở,’ hay là

người cản trở? Bởi ‘con người tội ác’ và ‘kẻ ác,’ người ta muốn nói đến Chủ nghĩa Giáo hoàng. Vậy, điều gì ngăn Chủ nghĩa Giáo hoàng khỏi được bày tỏ? Ấy là Ngoại giáo; vậy thì, ‘the daily’ hẳn phải có nghĩa là Ngoại giáo.” - William Miller, Second Advent Manual, trang 66. Advent Review and Sabbath Herald, January 6, 1853.

Sau cùng, Phục Lâm La-ô-đi-xê đã gạt bỏ sự hiểu biết đúng đắn được ban cho Miller và những người đã cất lên lời kêu gọi về giờ phán xét, để chấp nhận quan niệm sai lầm của phái Tin Lành bội đạo rằng “the daily” đại diện cho chức vụ của Đấng Christ trong đền thánh. Sự hiểu biết ấy là vô lý trên nhiều phương diện; nhưng không chỉ sai lạc, nó còn khẳng định rằng một biểu tượng của Sa-tan là biểu tượng của Đấng Christ.

Do đó, tuy con rỗng chủ yếu đại diện cho Sa-tan, nhưng trong nghĩa thứ yếu, nó là biểu tượng của La Mã ngoại giáo. Đại Tranh Chiến, 439.

Miller xác định “the daily” là La Mã ngoại giáo, tức con rỗng, nhưng Phục Lâm La-ô-đi-xê đã tiếp thu từ Tin Lành sa ngã ý niệm rằng nó tượng trưng cho chức vụ đền thánh trên trời của Đấng Christ. Việc bác bỏ sự xác định của Miller về “the daily” là La Mã ngoại giáo là sự bác bỏ một lẽ thật vốn được trình bày trên cả hai biểu đồ thánh, những biểu đồ là sự ứng nghiệm của Ha-ba-cúc chương hai. Vì thế, đó là sự bác bỏ một lẽ thật nền tảng, cũng như việc bác bỏ bảy lần trong Lê-vi Ký chương hai mươi sáu.

Bác bỏ sự thật rằng “the daily” đại diện cho La Mã ngoại giáo là bác bỏ những nền tảng của Cơ Đốc Phục Lâm và thẩm quyền của Thần Linh của Lời Tiên Tri. Đồng nhất một biểu tượng của Sa-tan với một biểu tượng của Đấng Christ chẳng khác nào đồng nhất công việc của Đấng Christ với công việc của Sa-tan.

Khi khước từ Đấng Christ, dân Do Thái đã phạm tội không thể tha thứ; và bằng cách từ chối lời mời của lòng thương xót, chúng ta có thể mắc cùng một sai lầm. Chúng ta xúc phạm đến Thủ Lãnh của sự sống và làm Ngài hổ thẹn trước hội đường của Sa-tan và trước vũ trụ thiên thượng khi chúng ta từ chối lắng nghe những sứ giả được Ngài ủy quyền, mà lại lắng nghe các tay sai của Sa-tan, những kẻ muốn kéo linh hồn lìa khỏi Đấng Christ. Bao lâu còn làm như vậy, người ấy sẽ không tìm được hy vọng hay sự tha thứ, và cuối cùng sẽ mất hết mọi ước muốn được hòa giải với Đức Chúa Trời. Khát vọng của các thời đại, 324.

Khi Cơ Đốc Phục Lâm kiểu Laodicê bác bỏ sự hiểu biết nền tảng về “sự thường nhật” và “bảy lần”, họ không chỉ bác bỏ thẩm quyền của Thần khí của Lời Tiên Tri và các nền tảng, mà còn bác bỏ công trình của William Miller, người đã được thiên sứ Gabriel và các thiên sứ khác dẫn dắt đến những hiểu biết ấy.

Đức Chúa Trời sai thiên sứ của Ngài cảm động lòng của một người nông dân vốn không tin Kinh Thánh, để dẫn ông tìm hiểu các lời tiên tri. Các thiên sứ của Đức Chúa Trời nhiều lần thăm viếng người được chọn ấy, để hướng dẫn tâm trí ông và mở ra cho sự hiểu biết của ông những lời tiên tri xưa nay vẫn tối tăm đối với dân sự của Đức Chúa Trời. Mắt xích đầu tiên của chuỗi lẽ thật được ban cho ông, và ông được dẫn dắt tìm kiếm hết mắt xích này đến mắt xích khác, cho đến khi ông ngắm nhìn Lời Đức Chúa Trời với sự kinh ngạc và thán phục. Ông thấy ở đó một chuỗi lẽ thật hoàn chỉnh. Lời ấy, mà trước kia ông xem là không được linh hứng, nay

mở ra trước mắt ông trong vẻ đẹp và vinh quang của nó. Ông thấy rằng phần này của Kinh Thánh giải thích phần kia; và khi một đoạn nào đó khép kín đối với sự hiểu biết của ông, ông lại tìm thấy ở phần khác của Lời điều giải thích nó. Ông trân trọng Lời thánh của Đức Chúa Trời với niềm vui mừng cùng lòng tôn kính và kính sợ sâu xa nhất. *Early Writings*, 230.

“His angel” là một cách diễn đạt dùng để chỉ thiên thần Gabriel.

Lời của thiên sứ: “Ta là Gáp-ri-ên, kẻ đứng trước mặt Đức Chúa Trời,” cho thấy rằng ông giữ một địa vị cao trọng trong các triều đình trên trời. Khi ông đến với một sứ điệp cho Đa-ni-ên, ông nói: “Chẳng có ai hiệp với ta trong những việc này, ngoại trừ Mi-ca-ên [Đấng Christ], thủ lãnh của các người.” Đa-ni-ên 10:21. Về Gáp-ri-ên, Đấng Cứu Chúa phán trong sách Khải Huyền, rằng “Ngài đã sai thiên sứ của Ngài đến để bày tỏ điều ấy cho đầy tớ Ngài là Giảng.” Khải Huyền 1:1. *Khát vọng các thời đại*, 99.

Việc xem một biểu tượng của Sa-tan như một biểu tượng của Đấng Christ không chỉ song song với tội không thể tha thứ, mà tội không thể tha thứ cũng gắn liền với việc khước từ các sứ giả mà Đấng Christ sai đi. Khi ấy “the daily” trở thành biểu tượng của tội không thể tha thứ, và khi hiểu rằng “người được chọn”, William Miller, đã được dẫn dắt đến sự hiểu biết đúng đắn về lẽ thật ấy, và khi lẽ thật đó về sau bị khước từ, thì điều này ăn khớp trực tiếp với Tê-sa-lô-ni-ca thứ hai, chính là đoạn Kinh Thánh nơi Miller đưa ra khám phá của mình. Khước từ lẽ thật đó là bằng chứng của việc không yêu mến lẽ thật, và sự phản loạn ấy dẫn đến sự rút lui của Đức Thánh Linh và sự phó mặc cho tà linh của Sa-tan, điều mà Phao-lô gọi là sự lừa dối mạnh mẽ.

Cũng như “những kẻ cướp của dân người”, tức là những kẻ “làm ứng nghiệm Khải tượng”, “lễ hằng ngày” là một biểu tượng của La Mã ngoại giáo. Trong bối cảnh Thư II Tê-sa-lô-ni-ca, Phao-lô dạy rằng việc khước từ sứ điệp của chương hai là bằng chứng cho thấy những người làm như vậy không yêu mến lẽ thật. Bởi vì họ không yêu mến lẽ thật được trình bày trong chương ấy, họ nhận lấy sự mê lầm mạnh mẽ.

Tất cả các nhà tiên tri đều đề cập đến những ngày sau rốt, và những đoạn được soi dẫn trước đó trong bài viết này chỉ ra rằng sự lừa dối mạnh mẽ đến trên những người không yêu lẽ thật trong thời kỳ sự tuôn đổ của Đức Thánh Linh. Một nhóm người đang nhận dầu, còn nhóm kia đang nhận sự lừa dối mạnh mẽ.

Đức Thánh Linh được tuôn đổ trong giai đoạn lịch sử khi Ngài đồng thời bị rút khỏi những ai khước từ sự gia tăng hiểu biết được mở ra trong hai giai đoạn thử thách của thời kỳ đóng ấn, từ ngày 11 tháng 9 năm 2001 cho đến đạo luật ngày Chủ nhật sắp tới. Lặp lại một đoạn trước:

Nhìn đến những ngày sau rốt, chính quyền năng vô hạn ấy phán về những kẻ “không tiếp nhận tình yêu của lẽ thật để được cứu” rằng: “Vì có đó, Đức Chúa Trời sẽ sai đến cho họ sự mê lầm mạnh mẽ, để họ tin điều dối trá; hầu cho hết thảy những kẻ không tin lẽ thật, nhưng vui thích trong sự bất chính, đều bị đoán phạt.” Khi họ khước từ những giáo huấn trong Lời Ngài, Đức Chúa Trời rút lại Thánh Linh của Ngài và phó mặc họ cho những sự lừa dối mà họ yêu thích. *Những Bài Viết Đầu Tiên*, 46.

Dòng trên dòng, Đa-ni-ên dạy rằng trong những ngày sau rốt, chính bọn cướp của dân ngoại (một biểu tượng của La Mã) khiến khải tượng được ứng nghiệm. Bọn cướp cũng được biểu trưng là “điều hằng ngày.” Sa-lô-môn dạy rằng trong những ngày sau rốt, những ai không có khải tượng thì bị diệt vong, tức là trần truồng. Bị làm cho trần truồng là trở thành một người La-ô-đi-xê, và một người La-ô-đi-xê là một trinh nữ dại.

Tình trạng của Hội Thánh được tượng trưng bởi các trinh nữ dại, cũng được gọi là tình trạng La-ô-đi-xê. Review and Herald, ngày 19 tháng 8, 1890.

Là một cô dại khi sứ điệp Tiếng Kêu Lúc Nửa Đêm đến tức là bộc lộ điều mà Giăng ghi lại trong Khải Huyền chương mười sáu là “sự hổ thẹn vì sự trần truồng của ngoại.” Lời cảnh báo của Giăng trong tai vạ thứ sáu liên quan đến liên minh ba phần của con rồng, con thú và tiên tri giả, những kẻ từ năm 1989 đang dẫn dắt thế giới đến A-ma-ghe-đôn.

Sứ điệp của Phao-lô trong Tê-sa-lô-ni-ca thứ nhì không chỉ nói về việc La Mã ngoại giáo được Đa-ni-ên mô tả như “the daily”, mà chương này nhấn mạnh mối quan hệ giữa La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng. La Mã ngoại giáo đã ngăn trở (withholdeth) con người tội ác khỏi việc lên ngai trị vì trên đất vào năm 538. Khi La Mã ngoại giáo bị dẹp bỏ, thì “mâu nhiệm của sự gian ác”, “kẻ gian ác” tức là giáo hoàng của La Mã, được bày tỏ. Trong chương ấy, Phao-lô xác định một mối quan hệ tiên tri cụ thể giữa La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng. Khước từ sự dạy dỗ của chương này là khước từ lẽ thật và chúc lấy sự mê lầm mạnh mẽ.

Dùng để ai lừa dối anh em bằng bất cứ cách nào; vì ngày ấy sẽ không đến, nếu trước hết không xảy ra sự bội đạo, và kẻ tội ác, con của sự hư mất, được bày tỏ; kẻ chống đối và tôn mình lên trên mọi điều được gọi là Đức Chúa Trời hay mọi đối tượng thờ phượng, đến nỗi hấn ngòi trong đền thờ Đức Chúa Trời, tự tỏ mình là Đức Chúa Trời. Anh em há không nhớ rằng, khi tôi còn ở với anh em, tôi đã nói những điều ấy với anh em sao? Và bây giờ anh em biết điều đang ngăn trở, để hấn chỉ được bày tỏ đúng thì giờ của mình. Vì mâu nhiệm của sự gian ác đã hoạt động rồi; chỉ có người đang ngăn trở hiện nay còn ngăn trở, cho đến khi người ấy được dời đi. Bây giờ kẻ gian ác sẽ được bày tỏ, kẻ mà Chúa sẽ tiêu diệt bằng hơi thở từ miệng Ngài và hủy diệt bằng ánh sáng rực rỡ khi Ngài đến; tức là kẻ mà sự đến của hấn là theo hoạt động của Sa-tan, với mọi quyền năng, các dấu lạ và phép lạ dối trá, và với mọi sự lừa dối của điều gian ác đối với những kẻ bị hư mất, vì họ đã không tiếp nhận tình yêu của lẽ thật để được cứu. Vì có đó, Đức Chúa Trời sẽ sai đến cho họ sự làm lạc mạnh mẽ, để họ tin điều dối trá, hầu cho tất cả những kẻ không tin lẽ thật nhưng ưa thích sự gian ác đều bị kết án. 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3-12.

Tại sao những người ở thời kỳ sau rốt này lại “bị kết án”? Tại sao họ bị phó cho “một sự mê lầm mạnh mẽ”? Tại sao họ “diệt vong” và qua đó để lộ sự xấu hổ vì sự trần truồng của họ? Đoạn văn cho biết đó là vì họ không yêu mến lẽ thật, và lẽ thật được trình bày trong chương này xác định rằng La Mã ngoại giáo, vương quốc thứ tư trong lời tiên tri Kinh Thánh, sẽ ngăn cản La Mã giáo hoàng, vương quốc thứ năm trong lời tiên tri Kinh Thánh, lên ngai cho đến khi chủ nghĩa ngoại giáo bị dẹp bỏ.

Mối quan hệ giữa La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng được chỉ ra trong chương cũng được Giăng liên hệ với mối quan hệ giữa hội thánh Pergamos và hội thánh Thyatira. Pergamos tương

ứng với La Mã ngoại giáo, còn Thyatira là La Mã giáo hoàng. Phao-lô và Giăng cung cấp hai nhân chứng cho mối quan hệ của hai quyền lực này, và sách Đa-ni-ên cũng vậy.

Trong sách Đa-ni-ên, mối quan hệ giữa La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng được trình bày nhiều lần. Trong Đa-ni-ên đoạn 2, điều đó được biểu thị bằng sự pha trộn của sắt với đất sét lấm bùn. Trong Đa-ni-ên đoạn 7, cả La Mã ngoại giáo lẫn La Mã giáo hoàng đều là các vương quốc “khác lạ”; và dù Đa-ni-ên đoạn 2 minh họa hai quyền lực như một sự pha trộn, đoạn 7 xác định rằng quyền lực giáo hoàng xuất phát từ vương quốc mười sừng của La Mã ngoại giáo. Trong Đa-ni-ên đoạn 8, “sừng nhỏ” ở các câu 9 đến 12 là La Mã trong cả hai giai đoạn của nó. Các câu 9 và 11 dùng giống đực cho “sừng nhỏ”, qua đó xác định La Mã ngoại giáo; còn các câu 10 và 12 dùng giống cái cho “sừng nhỏ”, qua đó xác định La Mã giáo hoàng.

Trong Đa-ni-ên chương tám, câu mười ba, La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng được mô tả như hai quyền lực gây hoang tàn. La Mã ngoại giáo là quyền lực hoang tàn của “sự hằng ngày”, còn La Mã giáo hoàng là quyền lực hoang tàn của “sự vi phạm”. Trong chương mười một, câu ba mươi mốt, quyền lực hoang tàn của “sự hằng ngày” thuộc La Mã ngoại giáo dựng nên quyền lực góm ghiếc gây hoang tàn, tức là giáo quyền. Trong chương mười hai, câu mười một, quyền lực hoang tàn của “sự hằng ngày” thuộc La Mã ngoại giáo bị dẹp bỏ để thiết lập quyền lực góm ghiếc gây hoang tàn của giáo quyền.

Mối quan hệ giữa hai quyền lực gây hoang tàn của La Mã là một chủ đề trọng tâm của hai sách Đa-ni-ên và Khải Huyền, và chính mối quan hệ ấy là điều Phao-lô xác định là lẽ thật phải được yêu mến nếu một người muốn tránh khỏi cơn mê lằm mạnh mẽ phát sinh từ việc tin một điều dối trá. Đức Chúa Trời không bao giờ dư thừa, và mỗi sự trình bày về mối quan hệ giữa La Mã ngoại giáo với La Mã giáo hoàng đều cung cấp một lời chứng đặc thù về vấn đề này; nhưng khước từ biểu tượng của La Mã trong những ngày sau rốt tức là khước từ cơn mưa muện và lãnh lấy sự mê lằm mạnh mẽ thay vào đó. Ấy là bị vĩnh viễn nhận diện như một người La-ô-đi-xê trần truồng.

Những nhà sử học Cơ Đốc Phục Lâm mang tinh thần La-ô-đi-xê, tuy không bày tỏ sự kính trọng thiêng liêng đối với vai trò và công việc của William Miller, vẫn thừa nhận rằng chính sự nhận biết mối quan hệ giữa La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng của ông là cấu trúc tiên tri mà trên đó ông xây dựng "toàn bộ" các ứng dụng tiên tri của mình. Gabriel và các thiên sứ khác đã dẫn dắt Miller hiểu mối quan hệ giữa La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng, nhưng trong cách trình bày lịch sử của mình, ông không xem La Mã là một thực thể ba phần gồm con rồng, con thú và tiên tri giả.

Vào thời của ông ấy, Hoa Kỳ vẫn chưa bắt đầu vai trò tiên tri giả, vì những người Tin Lành ở Hoa Kỳ chưa trở thành các con gái của La Mã cho đến năm 1844, và công trình nền tảng của Miller đã được trình bày trên biểu đồ năm 1843, được xuất bản vào tháng 5 năm 1842.

Năm 1989, sáu câu cuối của chương mười một sách Đa-ni-ên đã được mở án, và sứ giả cho thời kỳ ấy nhận ra rằng có ba quyền lực mà các hoạt động tiên tri của họ trải dài từ câu bốn mươi đến bốn mươi lăm của chương mười một. Vua phương nam trong câu bốn mươi là quyền lực con rồng, còn vua phương bắc là quyền lực giáo hoàng, đã bị giáng vết thương chí tử ở phân đầu câu vào năm 1798, bởi tay quyền lực con rồng của nước Pháp thời Napoléon. Trong câu này, quyền lực giáo

hoàng bắt đầu công cuộc chữa lành vết thương chí tử của mình. Năm 1989, vua phương bắc trả đũa quyền lực con rồng là Liên Xô, khi ấy đã trở thành vua phương nam. Khi con thú của Công giáo trả đũa Liên Xô, nó đi cùng đội quân ủy nhiệm của Hoa Kỳ, là tiên tri giả trong Khải Huyền chương mười sáu. Vua phương nam là con rồng, vua phương bắc là con thú, và tiên tri giả của xe chiến, kỵ binh và tàu thuyền đều được minh họa trong câu bốn mươi, và dòng tiên tri kết thúc ở câu bốn mươi lăm, khi quyền lực giáo hoàng "đi đến chỗ tận cùng mà không ai giúp đỡ".

Armageddon, trong Khải Huyền chương mười sáu, là một khu vực địa lý mang tính biểu tượng, dùng để chỉ cuộc nổi loạn của nhân loại diễn ra trước khi Đấng Christ tái lâm. Armageddon là một biểu tượng; từ này được tạo thành từ hai từ: "Har" nghĩa là núi, và "Megiddo", là thung lũng Jezreel. Việc Giăng kết hợp một ngọn núi với Megiddo, khi Megiddo là một thung lũng, cho người nghiên cứu lời tiên tri biết rằng Armageddon là một biểu tượng có chứa một tham chiếu địa lý, vì trong thung lũng Jezreel không có ngọn núi nào.

Thung lũng Jezreel nằm giữa ba biển (Địa Trung Hải, Biển Ga-li-lê và Biển Chết) và Giê-ru-sa-lem. Nó nằm khá trung tâm ở miền bắc Israel, với ba thủy vực này và Giê-ru-sa-lem nằm quanh nó theo các hướng khác nhau. Câu 45 của Đa-ni-ên đoạn 11 là nơi vua phương bắc đi đến chỗ tận cùng mà không ai giúp đỡ, và câu này xác định nơi chấm dứt về mặt địa lý của ông là giữa các biển và núi thánh vinh hiển của Giê-ru-sa-lem. Câu 40 của Đa-ni-ên đoạn 11 giới thiệu ba quyền lực liên quan đến việc vết thương chí tử của quyền lực giáo hoàng được chữa lành và đến kết cục cuối cùng của nó.

Mệnh đề mở đầu của các câu ấy xác định thời kỳ cuối cùng vào năm 1798, khi giáo quyền La Mã nhận lãnh vết thương chí tử; và câu bốn mươi lăm xác định vết thương chí tử vĩnh viễn của nó. Lịch sử tiên tri giữa cái chết thứ nhất và cái chết sau cùng của quyền lực giáo hoàng chỉ ra sự phản loạn của nhân loại khi họ khôi phục thể thượng phong của quyền lực giáo hoàng, khi vết thương chí tử của nó được chữa lành trước lúc quyền lực giáo hoàng cuối cùng bị diệt vong. Sáu câu mang dấu ấn của chân lý, vì phần đầu và phần cuối đều là cái chết của quyền lực giáo hoàng, còn các câu ở giữa là sự phản loạn của nhân loại khi vết thương chí tử thứ nhất được chữa lành.

Miller đã được các thiên sứ trên trời soi sáng về mối liên hệ giữa La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng. Chìa khóa cho sự hiểu biết của Miller về mô hình tiên tri, mà ông sử dụng cho mọi áp dụng tiên tri của mình, là "sự hằng ngày" trong Tê-sa-lô-ni-ca thứ hai. "Sự hằng ngày" trong chương đó là La Mã ngoại giáo; điều ấy đã xác lập khái tượng mà William Miller hiểu, vì chính La Mã—"những kẻ cướp của dân người" trong câu mười bốn của chương mười một—đã thiết lập khái tượng.

Sứ giả được đẩy lên để hiểu về sự gia tăng của tri thức vào năm 1989 đã hiểu bản chất ba phương diện của La Mã. Miller là sứ giả của thiên sứ thứ nhất và thứ hai, và ông đã hiểu những biểu hiện thứ nhất và thứ hai của La Mã để thiết lập khái tượng mà ông trình bày cho thế giới. Sứ giả của thiên sứ thứ ba đã hiểu cả ba biểu hiện của La Mã để thiết lập khái tượng mà ông được ban cho để công bố cho thế giới.

Hiện thân đầu tiên của La Mã là La Mã ngoại giáo. Từ La Mã ngoại giáo xuất hiện La Mã giáo hoàng, hiện thân thứ hai. Từ hai hiện thân đầu tiên ấy xuất hiện La Mã hiện đại, liên minh bộ ba

gồm con rồng, con thú và tiên tri giả.

Chúng tôi sẽ tiếp tục mạch của cuộc tranh cãi về "the daily" trong lịch sử Phục Lâm trong bài viết tiếp theo.

"Đáng thấy điều ẩn kín, Đáng thấu suốt lòng mọi người, phán về những kẻ đã nhận được ánh sáng lớn: 'Chúng chẳng buồn khổ và kinh ngạc vì tình trạng đạo đức và thuộc linh của mình.' Phải, chúng đã chọn đường lối riêng mình, và linh hồn chúng vui thích trong những điều gớm ghiếc của chúng. Ta cũng sẽ chọn sự mê lầm cho chúng, và sẽ giáng những điều chúng sợ hãi trên chúng; vì khi Ta gọi, chẳng ai đáp; khi Ta phán, chúng chẳng nghe; nhưng chúng đã làm điều ác trước mắt Ta, và đã chọn điều Ta chẳng đẹp lòng.' 'Đức Chúa Trời sẽ khiến họ mắc phải sự mê lầm mạnh mẽ, để họ tin điều dối trá,' vì họ đã không nhận tình yêu của lẽ thật, để họ được cứu,' 'nhưng lại vui thích trong điều bất nghĩa.' Ê-sai 66:3, 4; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:11, 10, 12."

Vị Thầy trên trời hỏi: "Có sự mê lầm nào mạnh mẽ hơn có thể đánh lừa tâm trí hơn ảo tưởng cho rằng các người đang xây dựng trên nền tảng đúng đắn và rằng Đức Chúa Trời chấp nhận công việc của các người, trong khi kỳ thực các người đang thực hiện nhiều điều theo đường lối thế gian và đang phạm tội cùng Đức Giê-hô-va chẳng? Ôi, đó là một sự lừa dối lớn, một ảo tưởng mê hoặc, chiếm lấy tâm trí khi những người đã từng biết lẽ thật lại lầm lẫn hình thức của sự tin kính với tinh thần và quyền năng của nó; khi họ tưởng rằng mình giàu có, đã trở nên dư dật và chẳng cần gì hết, trong khi thực ra họ thiếu thốn mọi điều."

Đức Chúa Trời không hề thay đổi đối với các tội trọng của Ngài, là những người giữ áo xống mình tinh sạch, không vết nhơ. Nhưng nhiều người đang kêu lên: "Bình an và an ổn," trong khi sự hủy diệt bất ngờ đang ập đến trên họ. Nếu không có sự ăn năn triệt để, nếu người ta không khiêm nhường lòng mình qua sự xưng tội và tiếp nhận lẽ thật như vốn có trong Chúa Giê-xu, thì họ sẽ chẳng bao giờ vào được thiên đàng. Khi sự thanh tẩy diễn ra trong hàng ngũ chúng ta, chúng ta sẽ không còn ngồi yên tự mãn, khoe rằng mình giàu có, đã nên giàu, chẳng cần chi hết.

Ai có thể chân thật nói: 'Vàng của chúng ta đã được luyện trong lửa; áo xống của chúng ta không bị thế gian làm vậy bẩn'? Tôi thấy Vị Thầy của chúng ta chỉ vào những áo xống của cái gọi là sự công chính. Lột bỏ chúng, Ngài phơi bày sự ô uế bên dưới. Rồi Ngài nói với tôi: 'Há người không thấy họ đã giả hình che đậy sự ô uế và sự thối nát trong tính cách của họ như thế nào sao? "Than ôi, thành trung tín đã trở nên một đĩ điếm!" Nhà Cha Ta đã bị biến thành nhà buôn bán, một nơi mà sự hiện diện và vinh quang thiêng liêng đã rời khỏi! Vì cơ này nên có sự yếu đuối, và thiếu vắng sức mạnh.' Lời chứng, tập 8, 249, 250.